

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 3 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Đỗ Biên Aï

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 530/2017/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Tấn K, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TH A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Tấn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Tấn K và chị Nguyễn Thị H tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn trách nhiệm với ai, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Nay anh K yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị H.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh K và chị H có 01 người con chung tên Trịnh Khánh H, sinh ngày 29/9/2002, hiện cháu H đang

sống chung với anh K. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn anh Trịnh Tấn K, bị đơn chị Nguyễn Thị H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H, nhưng chị H không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của anh K. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. *Xét thấy*: Nội dung khởi kiện của anh K thì chị H đã biết, nhưng chị vẫn mặc nhiên, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của anh K về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2000, anh K và chị H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm b mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, anh K và chị H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Xét về nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Trịnh Khánh H đã hơn 15 tuổi, hiện đang do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H. Đối với chị H thì chị không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con chung của anh K.

Xét thấy: Tại phiên tòa anh K khẳng định, cháu H đang sống với anh ổn định, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý và hiện nay cháu đang được đi học bình thường như các bạn khác đồng trang lứa. Đồng thời, anh K xác định hiện nay anh đảm bảo điều kiện nuôi dạy cháu H. Còn chị H thì kể từ ngày bỏ đi đến nay, chị không thường xuyên thăm hỏi hay tới lui quan tâm lo lắng gì cho cháu H. Theo biên bản ghi nguyện vọng ngày 05/3/2018 đối với cháu H thì cháu có nguyện vọng “*Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn được sống với cha*”.

Mặt khác, chị H cũng không cung cấp tài liệu hay chứng cứ để phản bác nội dung trình bày của anh K về yêu cầu và điều kiện nuôi con chung. Như vậy, chị H đã từ bỏ các quyền của chị được quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ đó, Hội đồng xét xử khẳng định là chị H đã chấp nhận yêu cầu của anh K về nuôi con chung. Do đó, để tránh thay

đòi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K về nuôi con chung.

[5] *Xét về cấp dưỡng*: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Đối chiếu với điều luật trên thấy rằng, chị H là người không trực tiếp nuôi con chung, nên chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện, cũng như tại phiên tòa anh K xác định, anh không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của anh K nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa anh K và chị H có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về chia tài sản và nợ*: Anh K xác định, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không có nợ người khác, cũng như không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Còn chị H không có ý kiến gì. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa anh K và chị H có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Chị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.
- Anh K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Tấn K.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Trịnh Tấn K và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*:

- Giao cháu Trịnh Khánh H, sinh ngày 29/9/2002 cho anh Trịnh Tấn K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Khánh H.

- Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;
- Anh Trịnh Tấn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 29/12/2017 anh K có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009520 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

